

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 – 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 – 28



CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gỗ Đàng (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Đạo	Chủ tịch
Ông Hoàng Long	Thành viên
Ông David Martin Ireland	Thành viên
Ông Lê Sơn Tùng	Thành viên
Ông Sumel Ong	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2013)
Ông Michael John Octoman	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2013)
Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2013)
Ông Đỗ Thiệu Quân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2013)
Ông Trần Xuyên Giao	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2013)
Ông Vithit Valtanamara	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2013)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đạo	Tổng Giám đốc
Ông Lê Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuyên Giao	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tùng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thanh Trúc	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Văn Đạo
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Số: 550 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Gò Đăng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Gò Đăng (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2014 từ trang 3 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 05 tháng 4 năm 2013 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Chúng tôi cũng kiểm toán các bút toán điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo hợp nhất được áp dụng để trình bày lại báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Theo ý kiến của chúng tôi, các bút toán điều chỉnh này là hợp lý và được áp dụng phù hợp.



Lê Đình Tứ

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1503-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45 – Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		1.202.957.897.405	907.873.733.847
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	159.032.500.018	136.636.627.364
1. Tiền	111		23.132.499.018	9.636.627.364
2. Các khoản tương đương tiền	112		135.900.001.000	127.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		326.221.089.000	189.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	326.221.089.000	189.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		205.006.222.734	165.692.730.147
1. Phải thu khách hàng	131		92.450.675.351	104.756.158.435
2. Trả trước cho người bán	132		16.942.258.883	59.059.283.803
3. Các khoản phải thu khác	135	7	96.688.915.353	3.008.512.916
4. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	139		(1.075.626.853)	(1.131.225.007)
IV. Hàng tồn kho	140		476.941.388.685	396.764.438.963
1. Hàng tồn kho	141	8	476.941.388.685	396.764.438.963
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.756.696.968	19.779.937.373
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.091.237.787	2.966.880.214
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.596.122.346	14.622.889.624
3. Các khoản phải thu Nhà nước	154		1.164.976.046	940.490.863
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.904.360.789	1.249.676.672
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260 +269)	200		670.560.331.564	371.478.033.511
I. Tài sản cố định	220		573.579.385.515	285.355.565.760
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	184.525.904.157	150.530.341.063
- Nguyên giá	222		287.073.220.889	230.296.748.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102.547.316.732)	(79.766.407.437)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	116.353.973.296	80.409.722.541
- Nguyên giá	228		126.071.056.789	84.521.725.789
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.717.083.493)	(4.112.003.248)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	272.699.508.062	54.415.502.156
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		70.000.000.000	70.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	70.000.000.000	70.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		26.739.617.534	15.831.139.236
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	26.739.617.534	15.831.139.236
IV. Lợi thế thương mại	269		241.328.515	291.328.515
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.873.518.228.969	1.279.351.767.358

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45 – Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
 Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012 (Trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.156.675.168.530	552.325.121.243
I. Nợ ngắn hạn	310		1.025.846.176.339	552.325.121.243
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	922.386.835.530	451.920.648.662
2. Phải trả người bán	312		81.451.803.239	86.594.905.695
3. Người mua trả tiền trước	313		2.044.946.600	603.232.393
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	3.989.177.465	1.914.934.692
5. Phải trả công nhân viên	315		9.299.455.089	6.517.250.784
6. Chi phí phải trả	316	16	5.070.133.212	2.029.560.794
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	1.557.180.979	1.665.806.798
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		46.644.225	1.078.781.425
II. Nợ dài hạn	330		130.828.992.191	-
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	130.828.992.191	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		716.843.060.439	727.026.646.115
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	716.843.060.439	727.026.646.115
1. Vốn điều lệ	411		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		316.948.175.111	316.443.165.856
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.395.418.625	13.395.418.625
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		206.499.466.703	217.188.061.634
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.873.518.228.969	1.279.351.767.358

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**I. Ngoại tệ các loại**

Đô la Mỹ (USD)

Đồng Euro (EUR)

31/12/2013

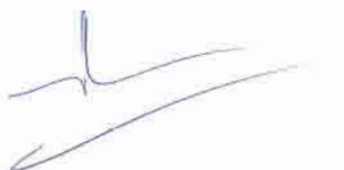
31/12/2012

38.960

188.277

776

2.377



Nguyễn Thị Ngọc Hà
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dao

Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45 – Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

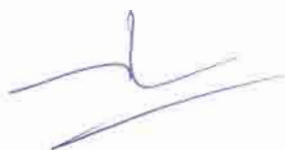
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng	01	20	867.844.924.723	868.535.183.270
2. Các khoản giảm trừ	02	20	(11.660.677.510)	(20.990.087.560)
3. Doanh thu thuần từ bán hàng (10=01-02)	10	20	856.184.247.213	847.545.095.710
4. Giá vốn hàng bán	11		(757.759.888.360)	(644.261.142.047)
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng (20=10-11)	20		98.424.358.853	203.283.953.663
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	48.829.633.792	7.918.214.594
7. Chi phí tài chính	22	23	(37.828.134.528)	(21.413.333.564)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		29.559.818.458	21.153.850.868
8. Chi phí bán hàng	24		(84.403.067.381)	(74.653.931.868)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(30.522.565.757)	(15.008.017.436)
10. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(5.499.775.021)	100.126.885.389
11. Thu nhập khác	31		2.776.874.030	5.341.991.740
12. Chi phí khác	32		(3.630.104.745)	(3.187.184.801)
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	24	(853.230.715)	2.154.806.939
14. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		(6.353.005.736)	102.281.692.328
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	(4.335.589.195)	(5.587.877.284)
17. Deferred corporate tax (income)/expense	52		-	-
16. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		(10.688.594.931)	96.693.815.044
17. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	(594)	8.058



Nguyễn Thị Ngọc Hà
Người lập



Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45 – Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

2012

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	(Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	(10.688.594.931)	102.281.692.328
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	35.294.538.940	25.126.582.469
Các khoản dự phòng	3	(55.598.154)	(1.762.968.235)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	(533.032.046)	(4.063.794.689)
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(43.516.905.256)	-
Chi phí lãi vay	6	29.559.818.458	21.153.850.868
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	10.060.227.011	142.735.362.741
Biến động các khoản phải thu	9	(43.814.410.555)	5.075.340.554
Biến động hàng tồn kho	10	(80.176.949.722)	(137.417.088.043)
Biến động các khoản phải trả	11	(9.924.783.461)	31.054.302.253
Biến động chi phí trả trước	12	(10.190.235.082)	(9.058.523.644)
Tiền lãi vay đã trả	13	(28.226.539.184)	(21.153.850.868)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.560.074.378)	(3.622.124.815)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	2.540.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.686.821.317)	(9.097.439.105)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(168.519.586.688)	(1.481.480.927)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(314.092.010.335)	(126.313.022.518)
2. Tiền thu do thanh lý và nhượng bán tài sản cố định	22	1.500.000.000	259.090.909
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(137.221.089.000)	(259.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	58.265.703
5. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	38.395.338.317	4.400.789.456
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(411.417.761.018)	(380.594.876.450)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Thu tiền từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn	31	505.009.255	377.691.965.111
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.352.408.445.251	1.414.104.443.751
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.750.580.234.146)	(1.294.201.737.820)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(11.999.930.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	602.333.220.360	485.594.741.042
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	22.395.872.654	103.518.383.665
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	136.636.627.364	33.118.243.699
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	159.032.500.018	136.636.627.364

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 12.752.160.809 đồng là giá trị phần ứng trước cho nhà cung cấp để mua sắm tài sản (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 4.486.423.184 đồng là giá trị phần tài sản mua sắm chưa thanh toán). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Nguyễn Thị Ngọc Hà
Người lập



Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GÒ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty bao gồm Công ty mẹ và năm Công ty con, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Gò Đăng (gọi tắt là "Công ty mẹ") được chuyển đổi từ Công ty TNHH Chế biến Thủy Sản Gò Đăng- Tiền Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200575021 ngày 11 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 3 vào ngày 23 tháng 11 năm 2012. Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 177/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 12 năm 2008 với mã chứng khoán là AGD.

Công ty đã tiến hành thủ tục pháp lý để hủy niêm yết tự nguyện cổ phiếu của Công ty theo Nghị quyết số 114/2012/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty vào ngày 05 tháng 10 năm 2012. Theo đó, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 262/2013/QĐ-SGDHCM vào ngày 29 tháng 7 năm 2013 chấp thuận cho việc hủy niêm yết 11.999.930 cổ phiếu đang lưu hành có tổng giá trị là 119.999.300.000 đồng với mệnh giá là 10.000 đồng/ 1 cổ phần của Công ty. Ngày giao dịch cuối của cổ phiếu Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh là ngày 27 tháng 8 năm 2013 và Quyết định hủy niêm yết nêu trên có hiệu lực từ ngày 28 tháng 8 năm 2013. Do đó, Công ty không còn nằm trong danh sách Công ty niêm yết kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2013.

Hoạt động chính:

- Chế biến thủy sản
- Thu mua thủy sản
- Nuôi trồng thủy sản
- Sản xuất thức ăn thủy sản
- Mua bán thức ăn thủy sản
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi
- Mua bán, cho thuê nhà máy, xí nghiệp, bất động sản
- Đầu tư tài chính

Trụ sở và nhà máy sản xuất chính của Công ty mẹ đặt tại Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Các công ty con**Công ty TNHH Thương mại Gò Đăng:**

Công ty TNHH Thương mại Gò Đăng được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 070186 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 10 năm 1998. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 070186 ngày 19 tháng 6 năm 2007.

Trụ sở của Công ty TNHH Thương mại Gò Đăng đặt tại 202/13 Cô Bắc, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH Thương mại Gò Đăng là mua bán hàng hóa nông sản, mua bán bách hóa, quẹt gas, máy động cơ thủy, máy móc phục vụ đánh bắt nuôi trồng thủy sản, hàng hóa trang trí nội thất, vật liệu xây dựng.

Vốn góp của Công ty mẹ tại Công ty TNHH Thương mại Gò Đăng (trực tiếp và gián tiếp) là 3.800.000.000 đồng chiếm tỉ lệ 100% quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát:

Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5302000269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25 tháng 5 năm 2006. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5302000269 ngày 24 tháng 9 năm 2009.

Trụ sở của Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát đặt tại Lô 25 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát thu mua thủy sản, chế biến hàng thủy sản xuất khẩu và chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Vốn góp của Công ty mẹ tại Công ty TNHH XNK Thủy sản An Phát (trực tiếp và gián tiếp) là 50.000.000.000 đồng chiếm tỉ lệ 100% quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức

Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5302000207 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp ngày 04 tháng 10 năm 2005. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5302000207 ngày 21 tháng 02 năm 2008.

Trụ sở của Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức đặt tại Lô 45 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức là thu mua, xuất khẩu hàng thủy sản, chế biến hàng thủy sản và nuôi trồng thủy sản.

Vốn góp của Công ty mẹ tại Công ty TNHH TM Thủy sản Việt Đức là 100.000.000 đồng chiếm tỉ lệ 100% quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty TNHH MTV Gò Đăng Vĩnh Long

Công ty TNHH MTV Gò Đăng Vĩnh Long được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1500499029 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 20 tháng 12 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1500499029 ngày 25 tháng 02 năm 2011.

Trụ sở của Công ty đặt tại Ấp Mỹ Thanh, Xã Mỹ Phước, Huyện Mang Thít, Tỉnh Vĩnh Long.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Gò Đăng Vĩnh Long là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, nuôi trồng thủy sản nội địa, sản xuất giống thủy sản và bán buôn thực phẩm.

Vốn góp của Công ty mẹ tại Công ty TNHH MTV Gò Đăng Vĩnh Long là 40.000.000.000 đồng chiếm tỉ lệ 100% quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty TNHH MTV Gò Đăng Bến Tre

Công ty TNHH MTV Gò Đăng Bến Tre được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300580000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 23 tháng 3 năm 2010. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300580000 ngày 08 tháng 3 năm 2011.

Trụ sở của Công ty đặt tại lô CX-2, Khu Công nghiệp An Hiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Gò Đăng Bến Tre là nuôi trồng thủy sản nội địa, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (tứ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán buôn thực phẩm; chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; sản xuất, mua bán bột cá.

Vốn góp của Công ty mẹ tại Công ty TNHH MTV Gò Đăng Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 171.095.605.283 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 60.995.594.306 đồng), chiếm tỉ lệ 100% quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty này.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính Hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định trình bày lại báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để chỉnh sửa lại các sai sót trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm trước. Các số liệu so sánh dưới đây đã được điều chỉnh trên bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền tệ để phù hợp với trình bày báo cáo tài chính năm hiện hành:

	Mã số	Trình bày năm trước VND	Trình bày lại VND	Chênh lệch VND
<u>Chi tiêu bảng Cân đối kế toán</u>				
1. Các khoản tương đương tiền	112	156.000.000.000	127.000.000.000	(29.000.000.000)
2. Đầu tư ngắn hạn	121	160.000.000.000	189.000.000.000	29.000.000.000
3. Các khoản phải thu khác	138	29.795.657.161	23.794.888.922	(6.000.768.239)
4. Hàng tồn kho	141	391.665.953.596	396.553.254.768	4.887.301.172
5. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.667.609.699	1.707.736.547	40.126.848
6. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.983.981.735	11.984.749.974	6.000.768.239
7. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.490.898.114	11.450.771.266	(40.126.848)
8. Phải trả người bán	312	69.888.893.618	83.331.937.573	13.443.043.955
9. Thặng dư vốn cổ phần	412	324.998.175.111	316.443.165.856	(8.555.009.255)
<u>Chi tiêu Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</u>				
1. Thay đổi hàng tồn kho	10	(132.318.602.676)	(137.205.903.848)	(4.887.301.172)
2. Thay đổi các khoản phải trả	11	(1.991.236.188)	2.896.064.984	4.887.301.172

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI****Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính Hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng, phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự và có thể không thể thanh toán các khoản nợ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà xưởng, vật kiến trúc	3 - 30
Máy móc, thiết bị	3 - 14
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị quản lý	2 - 7
Tài sản cố định khác	3 - 8

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm vi tính. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất và phần mềm vi tính được phân bổ trong vòng 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn trên 12 tháng. Các khoản đầu tư dài hạn này có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa ao nuôi cá và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012 (Trình bày lại)
	VND	VND
Tiền mặt	3.730.918.415	4.096.705.651
Tiền gửi ngân hàng	19.401.580.603	5.539.921.713
Các khoản tương đương tiền	135.900.001.000	127.000.000.000
Total	159.032.500.018	136.636.627.364

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng trong nước, có kỳ hạn dưới 03 tháng và hưởng lãi suất từ 6% - 7,5%/năm. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thể chấp một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng với tổng

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

giá trị là 61 tỷ đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 20 tỷ đồng).

7. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam, có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 1 năm và hưởng lãi suất bình quân từ 7,5% - 13,2%/năm.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012 (Trình bày lại)
	VND	VND
Cho vay cá nhân (*)	89.110.791.000	-
Lãi dự thu	6.533.533.552	1.942.331.769
Các khoản phải thu khác	1.044.590.801	1.066.181.147
	96.688.915.353	3.008.512.916

(*) Phải thu cho vay cá nhân thể hiện khoản tiền Công ty cho các cá nhân là nhân viên của Công ty vay, theo hợp đồng cho vay ngày 23 tháng 4 năm 2013 với số tiền là 89.110.791.000 đồng với thời hạn vay là 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và đã được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua bằng Biên họp của Hội đồng Quản trị Công ty vào ngày 23 tháng 4 năm 2013. Khoản cho vay này không chịu lãi suất và không có tài sản đảm bảo.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012 (Trình bày lại)
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	82.243.347.376	42.099.985.142
Công cụ, dụng cụ	14.618.686.176	9.520.594.434
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	246.758.260.382	245.366.501.375
Thành phẩm	127.574.976.232	99.362.520.930
Hàng hoá	-	26.001
Hàng gửi đi bán	5.746.118.519	414.811.081
	476.941.388.685	396.764.438.963

Nhu đã trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp một số hàng tồn kho với tổng giá trị thế chấp được định giá bởi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 21 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 32 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÀU B 09-DN

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 01/01/2013	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tăng trong năm	94.645.210.627	112.051.709.349	13.130.360.574	1.023.191.976	9.446.275.974	230.296.748.500
- Mua mới	28.449.911.610	23.015.067.642	8.564.165.967	350.853.100	5.157.270.055	65.537.268.374
- Kết chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản	19.858.827.773	3.754.705.976	6.934.656.143	350.853.100	5.157.270.055	36.056.313.047
Giảm trong năm	8.591.083.837	19.260.361.666	1.629.509.824	-	-	29.480.955.327
- Thanh lý	(308.419.435)	(7.103.666.866)	(400.240.645)	(305.847.688)	(642.621.351)	(8.760.795.985)
- Phân loại lại theo Thông tư 45/TT-BTC	(308.419.435)	(952.378.366)	(400.240.645)	(305.847.688)	(642.621.351)	(6.151.288.500)
Tại ngày 31/12/2013	122.786.702.802	127.963.110.125	21.294.285.896	1.068.197.388	13.960.924.678	287.073.220.889

GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ

Tại ngày 01/01/2013	30.763.662.693	41.553.955.554	4.836.191.618	514.205.879	2.098.391.693	79.766.407.437
Trích khấu hao trong năm	11.383.773.581	14.529.985.982	1.859.936.021	187.007.168	1.728.755.943	29.689.458.695
Thanh lý	-	(5.181.653.656)	-	-	-	(5.181.653.656)
Phân loại lại theo Thông tư 45/TT-BTC	(187.615.371)	(658.474.655)	(242.945.640)	(200.322.809)	(437.537.269)	(1.726.895.744)
Tại ngày 31/12/2013	41.959.820.903	50.243.813.225	6.453.181.999	500.890.238	3.389.610.367	102.547.316.732

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2013	80.826.881.899	77.719.296.900	14.841.103.897	567.307.150	10.571.314.311	184.525.904.157
Tại ngày 31/12/2012	63.881.547.934	70.497.753.795	8.294.168.956	508.986.097	7.347.884.281	150.530.341.063

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 41.393.791.034 đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2012: 27.204.964.579 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn từ ngân hàng.

Tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm một số tài sản cố định với nguyên giá 18.001.736.867 đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2012: 19.617.916.106 đồng) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm vi tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	678.724.850	83.843.000.939	84.521.725.789
Mua trong năm	-	8.950.000.000	8.950.000.000
Kết chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản	-	32.599.331.000	32.599.331.000
Tại ngày 31/12/2013	678.724.850	125.392.331.939	126.071.056.789
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	247.574.045	3.864.429.203	4.112.003.248
Khấu hao trong năm	129.922.776	5.475.157.469	5.605.080.245
Tại ngày 31/12/2013	377.496.821	9.339.586.672	9.717.083.493
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	301.228.029	116.052.745.267	116.353.973.296
Tại ngày 31/12/2012	431.150.805	79.978.571.736	80.409.722.541

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thể chấp tài sản cố định vô hình với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 68.818.969.889 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 69.278.699.682 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn từ ngân hàng.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công trình nhà máy Bến Tre	184.615.297.639	4.218.999.403
Công trình xây dựng vùng nuôi Cồn Dung	20.042.646.800	11.236.145.000
Mua sắm tài sản cố định	12.731.173.673	10.165.270.683
Công trình xây dựng nhà tập thể	12.173.451.873	1.898.227.621
Công trình xây dựng vùng nuôi Bình Minh	5.532.684.991	1.214.988.899
Các công trình khác	4.794.319.107	6.935.522.274
Công trình xây dựng vùng nuôi Cồn Nhỏ	335.592.580	994.953.648
Công trình xây dựng tại Tân Phú	1.798.078.960	1.817.313.908
Công trình xây dựng vùng nuôi Lộc Thuận	11.518.826	1.284.080.720
Công trình xây dựng vùng nuôi Bình Thắng	-	2.650.000.000
Công trình xây dựng vùng nuôi Sơn Phú	-	12.000.000.000
Công trình xây dựng vùng nuôi Bình Đại	13.517.827.273	-
Công trình xây dựng vùng nuôi Thanh Bình	16.953.200.000	-
Công trình xây dựng vùng nuôi Phước Long	193.716.340	-
	272.699.508.062	54.415.502.156

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư tài chính dài hạn khác thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng trong nước, có kỳ hạn trên 01 năm và hưởng lãi suất bình quân ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại 31 tháng 12 năm 2012 là 12,22%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2013	2012
	VND	(Trình bày lại) VND
Tại ngày 01 tháng 01	15.831.139.236	6.622.874.397
Tăng trong năm	20.826.718.221	14.895.260.231
Phân bổ trong năm	(9.918.239.923)	(5.686.995.392)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>26.739.617.534</u>	<u>15.831.139.236</u>

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
<i>Trong đó, số dư tiền vay theo đồng tiền</i>		
- Vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam	-	4.767.675.385
- Vay ngắn hạn bằng đô la Mỹ	831.826.122.165	447.152.973.277
- Nợ trung hạn đến hạn trả bằng đô la Mỹ (*)	90.560.713.365	-
	<u>922.386.835.530</u>	<u>451.920.648.662</u>
<i>Hoặc số dư tiền vay theo mục đích</i>	<u>922.386.835.530</u>	<u>451.920.648.662</u>
- Vay chiết khấu bộ chứng từ	44.815.156.211	40.008.176.662
- Vay bổ sung vốn lưu động	877.571.679.319	411.912.472.000
	<u>922.386.835.530</u>	<u>451.920.648.662</u>

Chi tiết vay tại các ngân hàng trong nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	53.132.235.000	42.322.496.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển		
- Chi nhánh Long An	45.063.382.500	30.325.568.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	32.317.545.000	-
Ngân Hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	138.961.230.000	101.114.149.816
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Tiền Giang	99.873.096.120	3.666.675.385
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Hòa Bình	77.764.356.000	72.148.546.076
Ngân Hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	204.924.232.545	128.914.744.375
Ngân hàng TMCP Phương Tây	36.952.395.000	-
Ngân Hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tiền Giang	52.331.670.000	44.152.476.000
Ngân hàng TNHH MTV Hongleong Việt Nam	-	1.243.587.810
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển		
- Chi nhánh Tiền Giang	69.122.467.500	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	21.383.512.500	-
Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Tiền Giang	-	28.032.405.200
Công ty Panga Holdco Private Limited (*)	90.560.713.365	-
	<u>922.386.835.530</u>	<u>451.920.648.662</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản vay và nợ ngắn hạn thể hiện các khoản tín dụng ngắn hạn bằng Đồng Việt Nam, Đô la Mỹ từ các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất vay được các ngân hàng công bố theo từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và hàng tồn kho của Công ty như đã trình bày tại Thuyết minh số 9, số 10 và số 11.

Trong năm, Công đã ký một số hợp đồng vay chiết khấu với các ngân hàng thương mại trong nước bằng việc chiết khấu các bộ chứng từ xuất khẩu của các khách hàng nước ngoài. Các khoản vay này không có thể chấp và lãi suất được ngân hàng thông báo cho từng bộ chứng từ chiết khấu.

(*) Thể hiện khoản vay theo Hợp đồng vay ngày 23 tháng 4 năm 2013 với số tiền là 90.560.713.365 đồng (tương ứng với 4.298.598 Đô la Mỹ), thời hạn hạn cho vay là 18 tháng kể từ ngày các khoản vay này được giải ngân tức ngày 31 tháng 5 năm 2013 và lãi suất áp dụng cho khoản vay này là 12%/năm. Khoản vay này và tiền lãi sẽ thanh toán một lần khi đến hạn. Trong trường hợp tỷ lệ sở hữu cổ phần của Panga Holdco Private Limited trong Công ty vượt quá 49% trước ngày đến hạn hợp đồng này thì lãi cộng dồn của khoản vay này sẽ được xóa bỏ. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng không cần thiết trích lập lãi vay vì Công ty đã hoàn tất việc hủy niêm yết cổ phiếu như đã nêu ở Thuyết minh số 1 bên trên và Panga Holdco Private Limited sẽ mua đủ cổ phần để sở hữu trên 49% cổ phần của Công ty trước ngày đáo hạn của hợp đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng 4.902.480 cổ phần phổ thông của Ông Nguyễn Văn Đạo - Tổng Giám đốc Công ty và Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Phó Tổng Giám đốc Công ty.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	975.141.605	837.504.170
Thuế xuất nhập khẩu	107.361.467	51.859.464
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.906.004.227	971.187.642
Thuế thu nhập cá nhân	670.166	54.383.416
	<u>3.989.177.465</u>	<u>1.914.934.692</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	1.333.279.274	-
Chi phí vận chuyển	2.080.080.498	723.598.750
Chi phí khác	1.656.773.440	1.305.962.044
	<u>5.070.133.212</u>	<u>2.029.560.794</u>

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	164.374.798	667.439.338
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	720.000.000	590.000.000
Các khoản phải trả khác	672.806.181	408.367.460
	<u>1.557.180.979</u>	<u>1.665.806.798</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay và nợ dài hạn thể hiện các khoản vay dài hạn từ Công ty Panga Holdco Private Limited ("Bên Cho vay") theo Hợp đồng vay ngày 22 tháng 11 năm 2012 và Bản sửa đổi số 1 ngày 23 tháng 4 năm 2013 với số tiền là 130.828.992.191 đồng (tương ứng với 6.330.829 Đô la Mỹ). Khoản vay này sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông theo yêu cầu của Bên Cho vay tại bất cứ thời điểm nào sau khi Công ty hoàn tất việc hủy niêm yết trên sàn chứng khoán và xóa tên khỏi danh sách các công ty đại chúng với giá trị chuyển đổi mỗi cổ phần là 57.217 đồng trừ đi khoản điều chỉnh giá trị cổ phần. Lãi suất được áp dụng cho khoản vay này là 12%/năm trên số dư của khoản tiền vay tính từ ngày giải ngân đến ngày Bên Cho vay không còn là cổ đông của Công ty do việc chuyển đổi nêu trên không hoàn tất. Khoản tiền vay và tiền lãi sẽ thanh toán một lần theo như yêu cầu của Bên cho vay. Tuy nhiên, nếu Bên cho vay thực hiện thành công việc chuyển đổi số tiền vay nêu trên sang cổ phiếu phổ thông thì số tiền lãi tích lũy cho khoản vay này sẽ được xóa bỏ. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng không cần thiết trích lập chi phí lãi vay vì Công ty đã hoàn tất việc hủy niêm yết cổ phiếu như đã nêu ở Thuyết minh số 1 bên trên và việc chuyển đổi khoản vay thành cổ phần sẽ chắc chắn được thực hiện.

Các khoản vay này được đảm bảo bằng 4.902.480 cổ phần phổ thông của Ông Nguyễn Văn Đạo – Tổng Giám đốc Công ty và Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Phó Tổng Giám đốc Công ty.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số lượng - cổ phần được phép phát hành	18.000.000	18.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>180.000.000.000</u>	<u>180.000.000.000</u>
Số lượng - cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	18.000.000	18.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>180.000.000.000</u>	<u>180.000.000.000</u>
Số lượng - cổ phần đang lưu hành	11.999.930	11.999.930
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>119.999.300.000</u>	<u>119.999.300.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Số lượng cổ phần, tỉ lệ nắm giữ và vốn góp của các cổ đông của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Theo giấy chứng nhận đăng			Vốn đã góp					
	kỳ kinh doanh			31/12/2013			31/12/2012		
	Cổ phần	Giá trị	%				Cổ phần	Giá trị	%
Cổ đông sáng lập									
Nguyễn Văn Đạo	2.601.240	26.012.400.000	14,45	4.023.887	40.238.870.000	22,35	2.601.240	26.012.400.000	14,45
Nguyễn Thị Thanh Trúc	2.451.240	24.512.400.000	13,62	2.451.240	24.512.400.000	13,62	2.451.240	24.512.400.000	13,61
Lê Sơn Tùng	1.512.151	15.121.510.000	8,40	1.512.151	15.121.510.000	8,40	1.512.151	15.121.510.000	8,40
Cổ đông khác									
Panga Holdeo Pte.Ltd	-	-	-	8.800.000	88.000.000.000	48,89	8.800.000	88.000.000.000	48,89
Lê Thị Liêm	-	-	-	1.201.631	12.016.310.000	6,68	1.201.631	12.016.310.000	6,68
Khác	11.435.369	114.353.690.000	63,53	11.091	110.910.000	0,06	1.433.738	14.337.380.000	7,97
	18.000.000	180.000.000.000	100	18.000.000	180.000.000.000	100	18.000.000	180.000.000.000	100

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	119.999.300.000	7.306.910.000	6.855.356.319	149.006.732.091	283.168.298.410
Góp vốn trong năm	60.000.700.000	318.003.710.000	-	-	378.004.410.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	96.693.815.044	96.693.815.044
Trích lập quỹ	-	-	6.540.062.306	(16.512.555.501)	(9.972.493.195)
Chia cổ tức	-	-	-	(11.999.930.000)	(11.999.930.000)
Giảm khác	-	(8.867.454.144)	-	-	(8.867.454.144)
Tại ngày 31/12/2012	180.000.000.000	316.443.165.856	13.395.418.625	217.188.061.634	727.026.646.115
Lỗ trong năm	-	-	-	(10.688.594.931)	(10.688.594.931)
Khác	-	505.009.255	-	-	505.009.255
Tại ngày 31/12/2013	180.000.000.000	316.948.175.111	13.395.418.625	206.499.466.703	716.843.060.439

21. DOANH THU BÁN HÀNG

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	753.923.359.794	705.494.085.483
Doanh thu bán hàng nội địa	113.921.564.929	163.041.097.787
	867.844.924.723	868.535.183.270
Giảm giá hàng bán	(1.450.950.814)	(775.618.265)
Hàng bán trả lại	(10.209.726.696)	(20.214.469.295)
	856.184.247.213	847.545.095.710

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013	2012
	VND	VND
Chi nguyên liệu, vật liệu	759.381.508.901	691.851.628.753
Chi phí nhân công	131.489.088.879	93.927.405.533
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.294.538.940	25.126.582.469
Chi phí mua ngoài	160.760.654.527	247.109.148.272
Chi phí khác	100.852.764.855	26.349.851.397
	1.187.778.556.102	1.084.364.616.424

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi	42.986.540.100	4.400.789.456
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.310.061.646	3.086.115.438
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	533.032.046	-
Thu nhập tài chính khác	-	431.309.700
	48.829.633.792	7.918.214.594

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	29.559.818.458	21.153.850.868
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.206.930.312	259.482.696
Chi phí tài chính khác	61.385.758	-
	37.828.134.528	21.413.333.564

25. (LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC

	2013	2012
	VND	VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	1,500,000,000	259,090,909
Thu nhập từ bán phế liệu	197,491,182	3,264,114,329
Các khoản thu khác	1,079,382,848	1,818,786,502
Thu nhập khác	2,776,874,030	5,341,991,740
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(969,634,844)	(133,889,417)
Các khoản chi khác	(2,660,469,901)	(3,053,295,384)
Chi phí khác	(3,630,104,745)	(3,187,184,801)
(Lỗ)/lợi nhuận khác	(853,230,715)	2,154,806,939

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH HIỆN HÀNH**

	2013	2012
	VND	VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	(6.353.005.736)	102.281.692.328
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	2.551.478.961	3.083.640.266
Trừ: Các khoản thu nhập không tính thuế	-	(100.000.000)
Lỗ kỳ trước mang sang	-	(431.740.992)
Lợi nhuận được chia từ các công ty con	(65.500.000.000)	(42.000.000.000)
(Lỗ tính thuế)/Thu nhập chịu thuế	(69.301.526.775)	62.833.591.602
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp - thuế suất	56.224.162.235	103.463.187.290
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp - thuế suất	605.862.632	1.958.124.614
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp - thuế suất	116.294.431	88.782.270
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	8.583.870.469	15.933.298.584
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.583.870.469	15.933.298.584
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(4.277.398.431)	(7.955.551.508)
Thuế TNDN được giảm theo Thông tư 140/2012/TT-	-	(2.389.869.792)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung từ các kỳ trước	29.117.157	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.335.589.195	5.587.877.284

Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty mẹ được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động. Công ty mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi (từ năm 2006 đến năm 2008) và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (kể từ năm 2009 đến năm 2015).

Công ty TNHH Thương mại Gỗ Đàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty TNHH XNK Thủy Sản An Phát và Công ty TNHH TM Thủy Sản Việt Đức có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Hai Công ty trên được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và thời gian miễn giảm thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 và các Nghị định sửa đổi của Chính phủ quy định các ưu đãi về đầu tư trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Theo đó, hai Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15%, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 03 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo. Công ty chỉ được hưởng các ưu đãi này nếu thực hiện đầu tư vào đúng lĩnh vực, địa bàn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và sử dụng số lao động bình quân trong năm ít nhất là 100 người.

Công ty TNHH MTV Gỗ Đàng Vĩnh Long có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế và được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động. Công ty TNHH MTV Gỗ Đàng Vĩnh Long được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo. Công ty TNHH MTV Gỗ Đàng Vĩnh Long được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm từ năm 2009 đến năm 2010 và giảm 50% kể từ năm 2011 đến năm 2013.

Công ty TNHH MTV Gỗ Đàng Bến Tre có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế và được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm đầu hoạt động. Công ty TNHH MTV Gỗ Đàng Bến Tre được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 69.301.526.775 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 0 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ trên vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho

Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại khác vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

27. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2013	2012
	VND	VND
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế	(10.688.594.931)	96.693.815.044
(Lỗ)/Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(10.688.594.931)	96.693.815.044
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu	18.000.000	11.999.930
(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(594)</u>	<u>8.058</u>

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	1.053.215.827.721	451.920.648.662
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	485.253.589.018	325.636.627.364
Nợ thuần	567.962.238.703	126.284.021.298
Vốn chủ sở hữu	716.843.060.439	727.026.646.115
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,79</u>	<u>0,17</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 5.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	159.032.500.018	136.636.627.364
Phải thu khách hàng và phải thu khác	188.063.963.851	106.633.446.344
Các khoản đầu tư tài chính	396.221.089.000	259.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	-	95.450.400
Tổng cộng	743.317.552.869	502.365.524.108

Công nợ tài chính

Các khoản vay	1.053.215.827.721	451.920.648.662
Phải trả người bán và phải trả khác	83.008.984.218	88.260.712.493
Chi phí phải trả	5.070.133.212	2.029.560.794
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	540.000.000	590.000.000
Tổng cộng	1.141.834.945.151	542.800.921.949

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ phải trả		Tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	1.059.211.655.249	485.358.145.625	80.283.879.270	102.872.338.043
Đồng Euro (EUR)	5.847.422	-	16.785.942	-
Đô la Hongkong (HKD)	-	-	-	60.355.173

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ và đồng Euro. Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/(giảm) các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	29.367.833.279	11.474.574.227
Đồng Euro (EUR)	(328.156)	-
Đô la Hongkong (HKD)	-	(1.810.655)
	29.367.505.123	11.472.763.572

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ giảm/tăng 16.647.183.084 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 8.965.079.466 đồng).

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	159.032.500.018	-	159.032.500.018
Phải thu khách hàng và phải thu khác	188.063.963.851	-	188.063.963.851
Các khoản đầu tư tài chính	326.221.089.000	70.000.000.000	396.221.089.000
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	-
Tổng cộng	673.317.552.869	70.000.000.000	743.317.552.869
Các khoản vay	922.386.835.530	130.828.992.191	1.053.215.827.721
Phải trả người bán và phải trả khác	83.008.984.218	-	83.008.984.218
Chi phí phải trả	5.070.133.212	-	5.070.133.212
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	540.000.000	-	540.000.000
Tổng cộng	1.011.005.952.960	130.828.992.191	1.141.834.945.151
Chênh lệch thanh khoản thuần	(337.688.400.091)	(60.828.992.191)	(398.517.392.282)
Tại ngày 31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	136.636.627.364	-	136.636.627.364
Phải thu khách hàng và phải thu	106.633.446.344	-	106.633.446.344
Các khoản đầu tư tài chính	189.000.000.000	70.000.000.000	259.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	95.450.400	-	95.450.400
Tổng cộng	432.365.524.108	70.000.000.000	502.365.524.108
Các khoản vay	451.920.648.662	-	451.920.648.662
Phải trả người bán và phải trả khác	88.260.712.493	-	88.260.712.493
Chi phí phải trả	2.029.560.794	-	2.029.560.794
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	590.000.000	-	590.000.000
Tổng cộng	542.800.921.949	-	542.800.921.949
Chênh lệch thanh khoản thuần	(110.435.397.841)	70.000.000.000	(40.435.397.841)

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ ĐÀNG

Lô 45, Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Thành phố Mỹ Tho
Tỉnh Tiền Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>

Công ty Panga Holdeo Private Limited

Vay dài hạn	<u>221,389,705,556</u>	<u>-</u>
-------------	------------------------	----------

Ban Giám đốc

Cho Ông Nguyễn Văn Đạo mượn tiền	89,582,791,000	-
----------------------------------	----------------	---

Mua đất từ ông Trần Xuyên Giáo	<u>1,000,000,000</u>	<u>-</u>
--------------------------------	----------------------	----------

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>

Lương và các khoản phụ cấp	<u>931,743,587</u>	<u>702,760,000</u>
----------------------------	--------------------	--------------------

Sổ dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Phải thu khác

Ông Nguyễn Văn Đạo - Tổng Giám đốc	<u>89.110.791.000</u>	<u>-</u>
------------------------------------	-----------------------	----------

Vay dài hạn

Panga Holdco Private Limited - Cổ đông chiến lược	<u>223.935.453.323</u>	<u>-</u>
---	------------------------	----------



Nguyễn Thị Ngọc Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đạo
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2014

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +84 8 3910 0751
Fax: +84 8 3910 0750

www.deloitte.com/vn